

Số: 38 /TB-BVTN

Thủy Nguyên, ngày 11 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO GIÁ THU
Dịch vụ chụp cắt lớp vi tính theo yêu cầu

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW 2017 ngày 25/10/2017 của BCHTW Đảng về nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào cuộc họp Ban chấp hành Đảng ủy và Phòng Tài chính kế toán của Bệnh viện ngày 02/4/2025;

Để đáp ứng nhu cầu của người bệnh, Bệnh viện Thông báo giá dịch vụ chụp cắt lớp vi tính theo yêu cầu (*phụ lục chi tiết kèm theo*).

Thông báo này có hiệu lực từ ngày ký.

Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên Thông báo đến các khoa, phòng và người bệnh được biết.

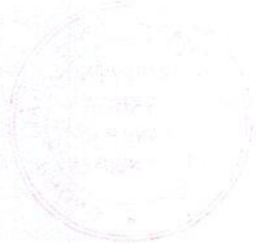
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo BV;
- Các khoa, phòng;
- Cổng thông tin Bệnh viện;
- Lưu VT./.

GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tùng





Danh mục dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu

Phụ lục kèm theo TB số 38 /TB-BVTN ngày 11/4/2025

STT	STT NQ1 03	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTT	Giá DVKT theo yêu cầu (VNĐ)	Giá theo NQ 103	Chênh lệch người bệnh có thẻ BHYT phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10
1	277	18.0220.0040	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	T2	950.000	550.100	399.900	
2	281	18.0222.0040	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	T2	950.000	550.100	399.900	
3	283	18.0191.0040	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		950.000	550.100	399.900	
4	286	18.0219.0040	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	T2	950.000	550.100	399.900	
5	287	18.0221.0040	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	T2	950.000	550.100	399.900	
6	289	18.0155.0040	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)		950.000	550.100	399.900	
7	290	18.0149.0040	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)		950.000	550.100	399.900	



STT	STT NQ1 03	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân Loại PTT	Giá DVKT theo yêu cầu (VNĐ)	Giá theo NQ 103	Chênh lệch người bệnh có thẻ BHYT phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10
8	291	18.0220.0041	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
9	295	18.0222.0041	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
10	297	18.0192.0041	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
11	298	18.0219.0041	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
12	299	18.0221.0041	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
13	301	18.0156.0041	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
14	302	18.0150.0041	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	T2	1.063.300	663.400	399.900	Chưa bao gồm thuốc cản quang.